

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2022/DS-PT
Ngày 11-7-2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ái Loan

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đê

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tài, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 3 năm 2021 về Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 45/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Chí T, sinh năm 1985

2. Bà Lê Thị Thu Tr, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Khu dân cư N, số 3/9/25, đường 297, khu phố 4, phường B, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Minh C, sinh năm 1960; Địa chỉ: Khóm A, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, theo văn bản ủy quyền đề ngày 28/3/2019. (có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn T, Văn phòng Luật sư Văn T thuộc Đoàn Luật sư Thành phố C. (có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Đinh Bá Th, sinh năm 1960 (có mặt)

2. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 2, Phường 1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người đại diện hợp pháp cho bà Vũ Thị Nghĩa:* Ông Đinh Bá Th, sinh năm 1960, địa chỉ: Khóm A, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 29/5/2020) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Đinh Thị Minh Th, sinh năm 1990 (vắng mặt)

2. Chị Đinh Thị Minh Ng, sinh năm 1996 (vắng mặt)

3. Ông Lâm Hữu Q, sinh năm 1984 (vắng mặt)

4. Ông Lê Văn C, sinh năm 1976 (vắng mặt)

5. Ông Trương Hoàng S, sinh năm 1983 (vắng mặt)

6. Ông Hà Minh Tr, sinh năm 1968 (có mặt)

7. Ông Nguyễn Thế N, sinh năm 1983 (có mặt)

8. Bà Thạch Thị Oane N, sinh năm 1983 (có đơn xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm A, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

9. Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh

Địa chỉ: Số 478A, đường M, khóm B, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện ông Nguyễn Minh T1 – Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Trà Vinh tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 1545/STNMT-VP ngày 29/7/2019. (có đơn xét xử vắng mặt)

- *Người đại diện hợp pháp cho chị Đinh Thị Minh Th và Đinh Thị Thu Ng:* Ông Đinh Bá Th: Ông Đinh Bá Th, sinh năm 1960, địa chỉ: Khóm A, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (theo văn bản ủy quyền ngày 29/5/2020) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn Nguyễn Chí T, bà Lê Thị Thu Tr và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê Minh C đại diện nguyên đơn trình bày:

Năm 2013 ông Nguyễn Chí T, bà Lê Thị Thu Tr nhận chuyển nhượng của ông Trần Thế N diện tích đất 435,7m² thuộc thửa 122, 123, tờ bản đồ số 15, tọa lạc khóm A, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Giáp ranh đất ông T, bà Tr về hướng Tây là lối đi thuộc đất của ông Đinh Bá Th, bà Vũ Thị N, do điều kiện đi làm xa, đất không sử dụng nên các trụ ranh cũ bị ngã nghiêng về phần đất của ông T, bà Tr. Ông T, bà Tr có yêu cầu cán bộ địa chính của Phường A xuống xác định ranh giới để xây dựng hàng rào thì bị ông Đinh Bá Th ngăn cản không cho xây dựng, ông Th cho rằng đất của ông T, bà Tr lần đường đi thuộc quyền sử dụng của ông Th. Ông T, bà Tr khởi kiện yêu cầu ông Đinh Bá Th, bà Vũ Thị N trả lại phần đất có diện tích 36,2m.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Đinh Bá Th đã hiến lối đi (giáp với phần đất tranh chấp) làm lối đi công cộng. Nay ông Lê Minh C đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án công nhận phần đất có diện tích 36,2 m² thuộc thửa 122, 123,

tờ bản đồ số 15, tọa lạc khóm A, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh là của ông Nguyễn Chí T, bà Lê Thị Thu Tr.

Bị đơn ông Đinh Bá Th, bà Vũ Thị N trình bày:

Ông bà có phần đất diện tích 2.400m², tọa lạc khóm A, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Do không có lối đi nên ông bà có đổi với ông Võ Văn Th1 phần đất ngang 3m dài 58m làm lối đi ra đường công cộng (đường 19/5 hiện nay). Lối đi đổi của ông Th hướng Đông giáp đất ông T, bà Tr có ranh là hàng trụ bê tông do chủ đất cũ cắm sẵn. Các trụ ranh này hiện nay có bị nghiêng nhưng vẫn còn ở vị trí cũ, không ai dịch chuyển. Ngày 10/4/2018 ông bà đã hiến lối đi làm đường công cộng nên hiện nay không còn thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông bà. Ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lâm Hữu Q trình bày:

Nguồn gốc đất ông đang ở là nhận chuyển nhượng của ông Đinh Bá Th vào năm 2010. Thời điểm mua đất đường đi đã có cắm trụ ranh sẵn, con đường rất khó đi, xe tải của ông không đi được nên ông có trùng tu, tôn tạo đường đi nhưng ông không yêu cầu công sức bỏ ra. Lúc ông mua đất ông Th có viết tờ cam kết giành một đường đi công cộng chiều ngang 4m từ lộ lớn (đường 19/5 hiện nay) vào đến vị trí đất ông đang ở. Ông yêu cầu ông Th thực hiện đúng cam kết đã hứa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn C, ông Trương Hoàng S trình bày:

Năm 2010 ông nhận chuyển nhượng đất của ông Đinh Bá Th, khi chuyển nhượng ông Th có thỏa thuận lối đi vào phía trong là 4m, còn phía ngoài không nói bao nhiêu mét. Lúc mua đất thì đường đi vô có trụ đá cắm ranh sẵn và còn nguyên hiện trạng đến nay không có di dời.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hà Minh Tr trình bày:

Năm 2010, 2011 ông nhận chuyển nhượng đất của ông Đinh Bá Th, khi chuyển nhượng ông Th có thỏa thuận lối đi vào phía ngoài ngang 3 mét, phía trong là 4m. Khi đó lối đi vào phía ngoài hai bên có hai hàng cọc, hiện tại một bên đã xây dựng tường rào kiên cố, còn một bên thì hàng cọc và dây kẽm gai.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thế N trình bày:

Năm 2013 ông nhận chuyển nhượng đất của ông Đinh Bá Th, khi chuyển nhượng ông Th có thỏa thuận lối đi chung cho các hộ phía trong và hiện trạng lối đi là con đường đất một bên đã xây dựng tường rào kiên cố, còn một bên thì hàng cọc và dây kẽm gai. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết đảm bảo con đường như hiện trạng, còn nguyên đơn, bị đơn tranh chấp như thế nào thì đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh ông Nguyễn Minh T1 trình bày:

Ngày 11/4/2018, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thành phố T có tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp đổi của ông Đinh Bá Th đối với thửa đất 453, tờ bản đồ số 15, diện tích 761,8m² tọa lạc khóm A, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Với lý do có sự thay đổi về diện tích thửa đất do hiến một phần đất làm đường đi. Hồ sơ được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T tiếp nhận và thực hiện thủ tục trình Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận với mã số CN 086748, số vào sổ CS06737, số thửa 453, tờ bản đồ số 15, diện tích 367,1m² tọa lạc khóm A, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 3 Điều 79 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP việc Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Đinh Bá Th là đúng trình tự thủ tục.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2017/DSST ngày 23/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Chí T và bà Lê Thị Thu Tr, Công nhận phần diện tích đất tranh chấp 21,9 m² của ông Nguyễn Chí T và bà Lê Thị Thu Tr.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 147/2018/DS - PT ngày 15/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh đã quyết định: Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2017/DSST ngày 23/8/2016 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Chí T và bà Lê Thị Thu Tr được tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích là 36,2m², thuộc 02 thửa 122, 123, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố T. Diện tích từng thửa cụ thể như sau:

Diện tích 28,9m² (loại đất cây lâu năm), nằm trong tổng diện tích 203m², thuộc thửa 123, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 903705 ngày 14/8/2013 đã cấp cho ông Nguyễn Chí T và bà Lê Thị Thu Tr.

Diện tích 7,3m², (loại đất ở đô thị), nằm trong tổng diện tích 200m², thuộc thửa 122, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 903704 ngày 14/8/2013 đã cấp cho ông Nguyễn Chí T và bà Lê Thị Thu Tr. Có kèm theo sơ đồ vị trí thửa đất.

Ông Đinh Bá Th, bà Vũ Thị N cùng các thành viên hộ ông Đinh Bá Th không được quyền cản trở ông Nguyễn Chí T và bà Lê Thị Thu Tr sử dụng đất.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 07/12/2020, ông Đinh Bá Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm 34/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố T;

Xem xét lại tư cách tham gia tố tụng của ông Th; Xem xét lại công sức và tiền bạc mà ông Th đã tôn tạo nên đường đi.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Khi làm đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu giải quyết đối với bị đơn giao trả phần đất lấn chiếm diện tích 30,864m². Qua các lần đo đạc hiện trạng đất có sự thay đổi diện tích và nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu bị đơn trả phần đất có diện tích 36,2m² nằm trong thửa 122, 123 là thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Chí T và bà Lê Thị Thu Tr và đã được nhà nước công nhận thông qua việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà Tr. Tại thời điểm nguyên đơn khởi kiện ông Đinh Bá Th vẫn còn đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Th chỉ thể hiện đường đi 2.08m, không có căn cứ chứng minh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng của ông T, bà Tr chồng lấn lên diện tích đất đã cấp cho ông Th. Cơ quan có thẩm quyền khẳng định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hai thửa 122, 123 là đúng trình tự, thủ tục. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi quyết định đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Bá Th là không có cơ sở chấp nhận. tuy nhiên tại phiên tòa đại diện nguyên đơn tự nguyện nhận chiều ngang thửa đất giáp đường 19/5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 8,31m, chiều ngang giáp thửa 27 theo hiện trạng đo đạc là 8,65m, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T về cách tuyên án theo tự nguyện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất, đất tranh chấp tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh nên Tòa án nhân dân

thành phố T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung đơn kháng cáo của ông Đinh Bá Th và bà Vũ Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Đinh Bá Th, bà Vũ Thị N sử dụng thửa đất số 453, tờ bản đồ số 15, diện tích 367,1m², tọa lạc tại Khóm A, Phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh, nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng từ ông Lê Hoàng N, quá trình sử dụng đất, ông Đinh Bá Th làm thủ tục tách nhập thửa nhiều lần và chuyển nhượng cho nhiều người (BL 464-520). Ông Th cho rằng sau khi sang nhượng đất của ông Lê Hoàng N, do không có lối đi vào nên ông có đổi với ông Võ Văn Th1 có đất liền kề mặt trước giáp đường lộ (nay là đường 19/5) ngang 3m dài 58m. Nhưng tại thời điểm đổi đất cả ông Th, ông Th1 đều chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không làm thủ tục đổi đất theo quy định pháp luật. Khi ông Trần Tiến D sang nhượng lại đất của ông Th1 thì ông Th và ông D đã ký giáp ranh đất. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Th năm 2010 (Bl 479) thể hiện lối đi ngang giáp đường đất 2.02m; tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2016 (Bl 497) thể hiện lối đi ngang giáp đường 19/5 là 2.08m. Ông Th cũng thừa nhận khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010 ông có thấy trên giấy thể hiện lối đi có chiều ngang là 2,02m nhưng ông không khiếu nại (Bl 612, Bl 779). Tại phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ông Th hiện làm đường công cộng ngang giáp đường 19/5 là 2,08m ông Th có ký xác nhận (Bl 519). Nên việc ông Th cho rằng lối đi có chiều ngang 3m là không có căn cứ.

Căn cứ vào Công văn số 2822/CN/TPTV ngày 12/12/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố T về việc cung cấp kết quả khảo sát thì diện tích đất tranh chấp 36,2m², (Bl 404 -405) thuộc thửa 122 và thửa 123, tờ bản đồ số 15 theo tài liệu đo đạc năm 1998 được biên tập lại năm 2014 thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Chí T, bà Lê Thị Thu Tr.

Tại Công văn số 1179/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 20/5/2020 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Trà Vinh xác định diện tích đất 36,2m² mà các bên tranh chấp không nằm trong phần diện tích đất mà ông Đinh Bá Th hiện làm lối đi công cộng (Bl 538).

Công văn số 1248/UBND-NC ngày 15/6/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố T xác định: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 122,123 của ông T bà Tr và thửa 453 của ông Th là đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật (Bl 153).

Theo sơ đồ khu đất (Bl405) đính kèm Công văn số 2822/CN/TPTV ngày 12/12/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố T thì thửa đất số 123 có chiều ngang giáp đường 19/5 là 8,35m (kể cả phần tranh chấp 0,72m) đầu trong giáp thửa 27 là 8,65m (kể cả phần tranh chấp 0,72m). Nhưng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông T, bà Tr (Bl 04-05 và 443) thì chiều ngang

giáp hẻm (đường 19/5 hiện nay) là 8,31m còn chiều ngang đầu trong là 8,75m. Có việc chênh lệch kích thước này là do năm 2014 Nhà nước thu hồi diện tích đất 32,7m² của thửa 123 để xây dựng công trình đường 19/5 nối dài. Toà án cấp sơ thẩm không quan tâm làm rõ kích thước thửa đất sau khi nhà nước thu hồi đất cụ thể như thế nào đã tuyên công nhận cho nguyên đơn được tiếp tục sử dụng phần đất có diện tích là 36,2m², thuộc 02 thửa 122, 123, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố T là chưa đủ căn cứ.

Tuy nhiên tại phiên Toà phúc thẩm ông Lê Minh C đại diện nguyên đơn tự nguyện đề nghị Hội đồng xét xử công nhận cho nguyên đơn chiều ngang thửa đất giáp đường 19/5 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 8,31m, chiều ngang giáp thửa 27 theo sơ đồ khu đất đính kèm Công văn số 2822/CN/TPTV ngày 12/12/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố T là 8,65m. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện này của ông Cường

[3] Đối với kháng cáo ông Đinh Bá Th cho rằng ông không phải là bị đơn trong vụ án. Xét thấy theo quy định khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự “*bị đơn trong vụ án là người bị nguyên đơn khởi kiện ...*”. Khi làm đơn khởi kiện ngày 12/5/2016 ông Nguyễn Chí T, bà Lê Thị Thu Tr khởi kiện ông Đinh Bá Th, bà Vũ Thị N, nên Toà án cấp sơ thẩm xác định ông Đinh Bá Th, bà Vũ Thị N là bị đơn trong vụ án là đúng quy định pháp luật. Mặc dù án bị huỷ, nhưng sau khi thụ lý lại nguyên đơn không rút đơn kiện và quá trình giải quyết ông Th hiến 2,08 m ngang làm đường đi công cộng, tuy nhiên ông Th cho rằng đất ông chiều ngang giáp đường 19/5 là 3m, như vậy còn lại 0,92 m ông cho rằng của ông thì ông vẫn là bị đơn trong vụ án.

[4] Đối với kháng cáo ông Th yêu cầu xem xét lại công sức và tiền bạc mà ông Th đã tôn tạo nên đường đi. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án ông Th trình bày ông tôn tạo lối đi ước tính 60 triệu đồng, có yêu cầu công sức tôn tạo, hứa làm đơn phản tố trong 15 ngày (BL 612 - 613). Toà án sơ thẩm có thông báo cho ông Th thực hiện thủ tục phản tố, nhưng ông Th không thực hiện, nên Toà án sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

[5] Xét thấy ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[6] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Đinh Bá Th và bà Vũ Thị N phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá là 6.415.138 đồng.

Các quyết định kháng của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị nên tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[8] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, tuy nhiên do ông Đinh Bá Th là người cao tuổi, có đơn

xin miễn án phí nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH miễn án phí phúc thẩm cho ông Đinh Bá Thanh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 10 Điều 12; Điều 100, Điều 202; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Điều 265 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 12, Điều 14, Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Bá Th.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Ông Nguyễn Chí T và bà Lê Thị Thu Tr được tiếp tục sử dụng phần đất thuộc thửa 122 và thửa 123, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại khóm A, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Theo 2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 903704 và số BM 903705 ngày 14/8/2013 đã cấp cho ông Nguyễn Chí T và bà Lê Thị Thu Tr.

Có vị trí tứ cận sau:

- Hướng Bắc giáp thửa 27 có số đo 8,65m
- Hướng Đông giáp thửa 129, 130, 131 có số đo 46,91m
- Hướng Tây giáp hẻm có số đo 47,5m

(Kèm theo sơ đồ khu đất của Công văn số 2822/CNVPĐKKĐĐTPTV, ngày 12/12/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T).

- Hướng Nam giáp vỉa hè đường 19/5 có số đo 8,31m (theo tự nguyện của đại diện nguyên đơn).

Ông Đinh Bá Th, bà Vũ Thị N cùng các thành viên hộ ông Đinh Bá Th không được quyền cản trở ông Nguyễn Chí T và bà Lê Thị Thu Tr sử dụng đất.

2. Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Đinh Bá Th và bà Vũ Thị N phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá là 6.415.138 đồng. Nguyên đơn ông Nguyễn Chí T và bà Lê Thị Thu Tr không phải chịu chi phí thẩm định, định giá nên được nhận lại số tiền 8.300.000 đồng mà nguyên đơn đã nộp tại Tòa án nhân dân thành phố T (Trong đó: Nhận tại Tòa án số tiền 1.884.862 đồng, còn lại 6.415.138 đồng Cơ quan Thi hành án thu từ ông Đinh Bá Th và bà Vũ Thị N để giao lại cho nguyên đơn.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm tiếp tục có hiệu lực thi hành

4. Về án phí phúc thẩm: Ông Đinh Bá Th được miễn nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ái Loan